

THỐNG KÊ ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HỌC TẬP, RÈN LUYỆN
HỌC KỲ I - NĂM HỌC: 2025-2026

STT	Lớp	GV chủ nhiệm	Tổng số HS (*)	Học tập												Rèn luyện													
				Tốt		Khá		Đạt		Chưa đạt		Chưa đánh giá		Miễn giảm		Tốt		Khá		Đạt		Chưa đạt		Chưa đánh giá		Miễn giảm			
				SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%		
Toàn trường			1163	218	18.74	436	37.49	430	36.97	79	6.79	0	0	0	0	1054	90.63	105	9.03	4	0.34	0	0	0	0	0	0	0	0
1	Khối 6		251	33	13.15	111	44.22	91	36.25	16	6.37	0	0	0	0	229	91.24	22	8.76	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
1.1	6A	NGUYỄN THỊ NGỌC	41	7	17.07	17	41.46	14	34.15	3	7.32	0	0	0	0	37	90.24	4	9.76	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
1.2	6B	TRẦN THỊ DUY	41	5	12.2	20	48.78	12	29.27	4	9.76	0	0	0	0	36	87.8	5	12.2	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
1.3	6C	NGUYỄN THỊ THANH	41	4	9.76	15	36.59	18	43.9	4	9.76	0	0	0	0	36	87.8	5	12.2	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
1.4	6D	NGUYỄN THỊ THANH	41	3	7.32	24	58.54	12	29.27	2	4.88	0	0	0	0	38	92.68	3	7.32	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
1.5	6E	BÙI THỊ KIỀU TRANG	42	3	7.14	16	38.1	23	54.76	0	0	0	0	0	40	95.24	2	4.76	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
1.6	6F	PHAN THỊ VIỆT	45	11	24.44	19	42.22	12	26.67	3	6.67	0	0	0	0	42	93.33	3	6.67	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
2	Khối 7		309	62	20.06	122	39.48	99	32.04	26	8.41	0	0	0	0	279	90.29	30	9.71	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
2.1	7A	ĐẶNG THỊ THANH	52	22	42.31	21	40.38	7	13.46	2	3.85	0	0	0	0	50	96.15	2	3.85	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
2.2	7B	NGUYỄN THANH MAI	52	8	15.38	23	44.23	20	38.46	1	1.92	0	0	0	0	51	98.08	1	1.92	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
2.3	7C	NGUYỄN THỊ YẾN	51	10	19.61	17	33.33	12	23.53	12	23.53	0	0	0	0	38	74.51	13	25.49	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
2.4	7D	LÊ THỊ THU TRANG	52	12	23.08	20	38.46	18	34.62	2	3.85	0	0	0	0	50	96.15	2	3.85	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
2.5	7E	LÊ HỒNG DƯỠNG	51	6	11.76	17	33.33	24	47.06	4	7.84	0	0	0	0	44	86.27	7	13.73	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
2.6	7F	DƯƠNG THỊ NGÀ	51	4	7.84	24	47.06	18	35.29	5	9.8	0	0	0	0	46	90.2	5	9.8	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
3	Khối 8		338	68	20.12	118	34.91	140	41.42	12	3.55	0	0	0	0	312	92.31	22	6.51	4	1.18	0	0	0	0	0	0	0	
3.1	8A	NGUYỄN THỊ THANH	49	4	8.16	18	36.73	25	51.02	2	4.08	0	0	0	0	47	95.92	2	4.08	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
3.2	8B	LÊ HÙNG CƯỜNG	47	8	17.02	12	25.53	23	48.94	4	8.51	0	0	0	0	41	87.23	6	12.77	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
3.3	8C	LÊ THỊ THU TRANG	49	25	51.02	16	32.65	8	16.33	0	0	0	0	0	0	49	100	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0		
3.4	8D	VŨ THỊ THANH XUÂN	47	18	38.3	18	38.3	9	19.15	2	4.26	0	0	0	0	45	95.74	2	4.26	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
3.5	8E	KHUƠNG THỊ THÚY	50	7	14	9	18	34	68	0	0	0	0	0	0	41	82	6	12	3	6	0	0	0	0	0	0	0	
3.6	8F	TRẦN THU HỒNG	49	5	10.2	23	46.94	19	38.78	2	4.08	0	0	0	0	47	95.92	2	4.08	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
3.7	8G	HUỲNH THỊ THÚY	47	1	2.13	22	46.81	22	46.81	2	4.26	0	0	0	0	42	89.36	4	8.51	1	2.13	0	0	0	0	0	0	0	
4	Khối 9		265	55	20.75	85	32.08	100	37.74	25	9.43	0	0	0	0	234	88.3	31	11.7	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
4.1	9A	TRẦN XUÂN HẠNH	45	5	11.11	9	20	21	46.67	10	22.22	0	0	0	0	34	75.56	11	24.44	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
4.2	9B	TRẦN THỊ TỔ ĐOÀN	44	5	11.36	15	34.09	20	45.45	4	9.09	0	0	0	0	39	88.64	5	11.36	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
4.3	9C	LÊ THỊ THU THỦY	42	6	14.29	12	28.57	17	40.48	7	16.67	0	0	0	0	33	78.57	9	21.43	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
4.4	9D	PHẠM THỦY NGOAN	43	5	11.63	15	34.88	19	44.19	4	9.3	0	0	0	0	38	88.37	5	11.63	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
4.5	9E	ĐẶNG THỊ BÌNH	46	17	36.96	20	43.48	9	19.57	0	0	0	0	0	0	46	100	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
4.6	9F	BACH THỊ PHƯƠNG	45	17	37.78	14	31.11	14	31.11	0	0	0	0	0	0	44	97.78	1	2.22	0	0	0	0	0	0	0	0	0	

Tính Đắk Lắk, ngày 15 tháng 1 năm 2026

HIỆU TRƯỞNG

Bùi Lan Oanh

THỐNG KÊ ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HỌC TẬP, RÈN LUYỆN HỌC SINH NỮ
HỌC KỲ I - NĂM HỌC: 2025-2026

STT	Lớp	GV chủ nhiệm	Tổng số HS (*)	Học tập												Rèn luyện											
				Tốt		Khá		Đạt		Chưa đạt		Chưa đánh giá		Miễn giảm		Tốt		Khá		Đạt		Chưa đạt		Chưa đánh giá		Miễn giảm	
				SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%
Toàn trường			565	141	24.96	229	40.53	180	31.86	15	2.65	0	0	0	0	542	95.93	23	4.07	0	0	0	0	0	0	0	0
1	Khối 6		125	19	15.2	59	47.2	44	35.2	3	2.4	0	0	0	0	120	96	5	4	0	0	0	0	0	0	0	0
1.1	6A	NGUYỄN THỊ NGỌC	20	3	15	10	50	7	35	0	0	0	0	0	0	19	95	1	5	0	0	0	0	0	0	0	0
1.2	6B	TRẦN THỊ DUY	21	3	14.29	10	47.62	7	33.33	1	4.76	0	0	0	0	19	90.48	2	9.52	0	0	0	0	0	0	0	0
1.3	6C	NGUYỄN THỊ THANH	20	2	10	7	35	10	50	1	5	0	0	0	0	19	95	1	5	0	0	0	0	0	0	0	0
1.4	6D	NGUYỄN THỊ THANH	20	3	15	11	55	6	30	0	0	0	0	0	0	20	100	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
1.5	6E	BÙI THỊ KIỀU TRANG	20	0	0	12	60	8	40	0	0	0	0	0	0	20	100	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
1.6	6F	PHAN THỊ VIỆT	24	8	33.33	9	37.5	6	25	1	4.17	0	0	0	0	23	95.83	1	4.17	0	0	0	0	0	0	0	0
2	Khối 7		137	41	29.93	55	40.15	36	26.28	5	3.65	0	0	0	0	131	95.62	6	4.38	0	0	0	0	0	0	0	0
2.1	7A	ĐẶNG THỊ THANH	29	17	58.62	8	27.59	4	13.79	0	0	0	0	0	0	29	100	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
2.2	7B	NGUYỄN THANH MAI	23	6	26.09	10	43.48	7	30.43	0	0	0	0	0	0	23	100	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
2.3	7C	NGUYỄN THỊ YẾN	21	7	33.33	7	33.33	4	19.05	3	14.29	0	0	0	0	18	85.71	3	14.29	0	0	0	0	0	0	0	0
2.4	7D	LÊ THỊ THU TRANG	20	6	30	6	30	6	30	2	10	0	0	0	0	18	90	2	10	0	0	0	0	0	0	0	0
2.5	7E	LÊ HỒNG DƯƠNG	23	4	17.39	11	47.83	8	34.78	0	0	0	0	0	0	22	95.65	1	4.35	0	0	0	0	0	0	0	0
2.6	7F	DƯƠNG THỊ NGÀ	21	1	4.76	13	61.9	7	33.33	0	0	0	0	0	0	21	100	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
3	Khối 8		169	45	26.63	71	42.01	50	29.59	3	1.78	0	0	0	0	161	95.27	8	4.73	0	0	0	0	0	0	0	0
3.1	8A	NGUYỄN THỊ THANH	24	4	16.67	12	50	8	33.33	0	0	0	0	0	0	24	100	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
3.2	8B	LÊ HÙNG CƯỜNG	23	6	26.09	8	34.78	6	26.09	3	13.04	0	0	0	0	19	82.61	4	17.39	0	0	0	0	0	0	0	0
3.3	8C	LÊ THỊ THU TRANG	23	15	65.22	7	30.43	1	4.35	0	0	0	0	0	0	23	100	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
3.4	8D	VŨ THỊ THANH XUÂN	25	12	48	12	48	1	4	0	0	0	0	0	0	25	100	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
3.5	8E	KHUƠNG THỊ THÚY	26	4	15.38	4	15.38	18	69.23	0	0	0	0	0	0	22	84.62	4	15.38	0	0	0	0	0	0	0	0
3.6	8F	TRẦN THU HỒNG	26	3	11.54	14	53.85	9	34.62	0	0	0	0	0	0	26	100	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
3.7	8G	HUỲNH THỊ THÚY	22	1	4.55	14	63.64	7	31.82	0	0	0	0	0	0	22	100	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
4	Khối 9		134	36	26.87	44	32.84	50	37.31	4	2.99	0	0	0	0	130	97.01	4	2.99	0	0	0	0	0	0	0	0
4.1	9A	TRẦN XUÂN HẠNH	24	3	12.5	5	20.83	14	58.33	2	8.33	0	0	0	0	22	91.67	2	8.33	0	0	0	0	0	0	0	0
4.2	9B	TRẦN THỊ TỔ ĐOÀN	20	4	20	7	35	7	35	2	10	0	0	0	0	18	90	2	10	0	0	0	0	0	0	0	0
4.3	9C	LÊ THỊ THU THỦY	20	5	25	5	25	10	50	0	0	0	0	0	0	20	100	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
4.4	9D	PHẠM THỦY NGOAN	22	4	18.18	8	36.36	10	45.45	0	0	0	0	0	0	22	100	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
4.5	9E	ĐẶNG THỊ BÌNH	23	9	39.13	11	47.83	3	13.04	0	0	0	0	0	0	23	100	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
4.6	9F	BACH THỊ PHƯƠNG	25	11	44	8	32	6	24	0	0	0	0	0	0	25	100	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0

Tính Đắk Lắk, ngày 15 tháng 1 năm 2026

HIỆU TRƯỞNG

Bùi Lan Oanh

THỐNG KÊ ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HỌC TẬP, RÈN LUYỆN HỌC SINH DÂN TỘC
HỌC KỲ I - NĂM HỌC: 2025-2026

STT	Lớp	GV chủ nhiệm	Tổng số HS (*)	Học tập												Rèn luyện											
				Tốt		Khá		Đạt		Chưa đạt		Chưa đánh giá		Miễn giảm		Tốt		Khá		Đạt		Chưa đạt		Chưa đánh giá		Miễn giảm	
				SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%
Toàn trường			381	22	5.77	105	27.56	199	52.23	55	14.44	0	0	0	0	316	82.94	65	17.06	0	0	0	0	0	0	0	0
1	Khối 6		89	5	5.62	30	33.71	43	48.31	11	12.36	0	0	0	0	74	83.15	15	16.85	0	0	0	0	0	0	0	0
1.1	6A	NGUYỄN THỊ NGỌC	16	2	12.5	6	37.5	7	43.75	1	6.25	0	0	0	0	14	87.5	2	12.5	0	0	0	0	0	0	0	0
1.2	6B	TRẦN THỊ DUY	16	0	0	5	31.25	9	56.25	2	12.5	0	0	0	0	13	81.25	3	18.75	0	0	0	0	0	0	0	0
1.3	6C	NGUYỄN THỊ THANH	16	0	0	4	25	8	50	4	25	0	0	0	0	11	68.75	5	31.25	0	0	0	0	0	0	0	0
1.4	6D	NGUYỄN THỊ THANH	16	1	6.25	8	50	5	31.25	2	12.5	0	0	0	0	14	87.5	2	12.5	0	0	0	0	0	0	0	0
1.5	6E	BÙI THỊ KIỀU TRANG	16	0	0	3	18.75	13	81.25	0	0	0	0	0	0	15	93.75	1	6.25	0	0	0	0	0	0	0	0
1.6	6F	PHAN THỊ VIỆT	9	2	22.22	4	44.44	1	11.11	2	22.22	0	0	0	0	7	77.78	2	22.22	0	0	0	0	0	0	0	0
2	Khối 7		98	4	4.08	27	27.55	47	47.96	20	20.41	0	0	0	0	77	78.57	21	21.43	0	0	0	0	0	0	0	0
2.1	7A	ĐẶNG THỊ THANH	9	1	11.11	2	22.22	5	55.56	1	11.11	0	0	0	0	8	88.89	1	11.11	0	0	0	0	0	0	0	0
2.2	7B	NGUYỄN THANH MAI	17	0	0	6	35.29	10	58.82	1	5.88	0	0	0	0	16	94.12	1	5.88	0	0	0	0	0	0	0	0
2.3	7C	NGUYỄN THỊ YẾN	18	0	0	6	33.33	4	22.22	8	44.44	0	0	0	0	10	55.56	8	44.44	0	0	0	0	0	0	0	0
2.4	7D	LÊ THỊ THU TRANG	19	3	15.79	4	21.05	10	52.63	2	10.53	0	0	0	0	17	89.47	2	10.53	0	0	0	0	0	0	0	0
2.5	7E	LÊ HỒNG DƯƠNG	18	0	0	2	11.11	12	66.67	4	22.22	0	0	0	0	13	72.22	5	27.78	0	0	0	0	0	0	0	0
2.6	7F	DƯƠNG THỊ NGÀ	17	0	0	7	41.18	6	35.29	4	23.53	0	0	0	0	13	76.47	4	23.53	0	0	0	0	0	0	0	0
3	Khối 8		96	5	5.21	25	26.04	60	62.5	6	6.25	0	0	0	0	88	91.67	8	8.33	0	0	0	0	0	0	0	0
3.1	8A	NGUYỄN THỊ THANH	18	0	0	4	22.22	13	72.22	1	5.56	0	0	0	0	17	94.44	1	5.56	0	0	0	0	0	0	0	0
3.2	8B	LÊ HÙNG CƯỜNG	16	2	12.5	5	31.25	8	50	1	6.25	0	0	0	0	15	93.75	1	6.25	0	0	0	0	0	0	0	0
3.3	8C	LÊ THỊ THU TRANG	8	0	0	4	50	4	50	0	0	0	0	0	8	100	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
3.4	8D	VŨ THỊ THANH XUÂN	9	1	11.11	2	22.22	4	44.44	2	22.22	0	0	0	0	7	77.78	2	22.22	0	0	0	0	0	0	0	0
3.5	8E	KHUƠNG THỊ THÚY	16	1	6.25	0	0	15	93.75	0	0	0	0	0	0	15	93.75	1	6.25	0	0	0	0	0	0	0	0
3.6	8F	TRẦN THU HỒNG	15	1	6.67	5	33.33	8	53.33	1	6.67	0	0	0	0	14	93.33	1	6.67	0	0	0	0	0	0	0	0
3.7	8G	HUỲNH THỊ THÚY	14	0	0	5	35.71	8	57.14	1	7.14	0	0	0	0	12	85.71	2	14.29	0	0	0	0	0	0	0	0
4	Khối 9		98	8	8.16	23	23.47	49	50	18	18.37	0	0	0	0	77	78.57	21	21.43	0	0	0	0	0	0	0	0
4.1	9A	TRẦN XUÂN HẠNH	20	0	0	2	10	11	55	7	35	0	0	0	0	12	60	8	40	0	0	0	0	0	0	0	
4.2	9B	TRẦN THỊ TỔ ĐOÀN	19	0	0	6	31.58	9	47.37	4	21.05	0	0	0	0	14	73.68	5	26.32	0	0	0	0	0	0	0	0
4.3	9C	LÊ THỊ THU THỦY	15	2	13.33	2	13.33	7	46.67	4	26.67	0	0	0	0	11	73.33	4	26.67	0	0	0	0	0	0	0	0
4.4	9D	PHẠM THỦY NGOAN	18	2	11.11	5	27.78	8	44.44	3	16.67	0	0	0	0	14	77.78	4	22.22	0	0	0	0	0	0	0	0
4.5	9E	ĐẶNG THỊ BÌNH	12	2	16.67	5	41.67	5	41.67	0	0	0	0	0	0	12	100	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
4.6	9F	BACH THỊ PHƯƠNG	14	2	14.29	3	21.43	9	64.29	0	0	0	0	0	0	14	100	0	0	0	0	0	0	0	0	0	

Tỉnh Đắk Lắk, ngày 15 tháng 1 năm 2026

HIỆU TRƯỞNG

Bùi Lan Oanh

THỐNG KÊ ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HỌC TẬP, RÈN LUYỆN HỌC SINH NỮ DÂN TỘC
HỌC KỲ I - NĂM HỌC: 2025-2026

STT	Lớp	GV chủ nhiệm	Tổng số HS (*)	Học tập												Rèn luyện												
				Tốt		Khá		Đạt		Chưa đạt		Chưa đánh giá		Miễn giảm		Tốt		Khá		Đạt		Chưa đạt		Chưa đánh giá		Miễn giảm		
				SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	
Toàn trường			190	16	8.42	61	32.11	101	53.16	12	6.32	0	0	0	0	176	92.63	14	7.37	0	0	0	0	0	0	0	0	0
1	Khối 6		51	4	7.84	18	35.29	27	52.94	2	3.92	0	0	0	0	47	92.16	4	7.84	0	0	0	0	0	0	0	0	
1.1	6A	NGUYỄN THỊ NGỌC	10	1	10	4	40	5	50	0	0	0	0	0	0	9	90	1	10	0	0	0	0	0	0	0	0	
1.2	6B	TRẦN THỊ DUY	9	0	0	3	33.33	6	66.67	0	0	0	0	0	0	8	88.89	1	11.11	0	0	0	0	0	0	0	0	
1.3	6C	NGUYỄN THỊ THANH	9	0	0	3	33.33	5	55.56	1	11.11	0	0	0	0	8	88.89	1	11.11	0	0	0	0	0	0	0	0	
1.4	6D	NGUYỄN THỊ THANH	9	1	11.11	4	44.44	4	44.44	0	0	0	0	0	0	9	100	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
1.5	6E	BÙI THỊ KIỀU TRANG	9	0	0	3	33.33	6	66.67	0	0	0	0	0	0	9	100	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
1.6	6F	PHAN THỊ VIỆT	5	2	40	1	20	1	20	1	20	0	0	0	0	4	80	1	20	0	0	0	0	0	0	0	0	
2	Khối 7		39	1	2.56	11	28.21	22	56.41	5	12.82	0	0	0	0	34	87.18	5	12.82	0	0	0	0	0	0	0	0	
2.1	7A	ĐẶNG THỊ THANH	6	1	16.67	2	33.33	3	50	0	0	0	0	0	0	6	100	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
2.2	7B	NGUYỄN THANH MAI	7	0	0	2	28.57	5	71.43	0	0	0	0	0	0	7	100	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
2.3	7C	NGUYỄN THỊ YẾN	7	0	0	3	42.86	1	14.29	3	42.86	0	0	0	0	4	57.14	3	42.86	0	0	0	0	0	0	0	0	
2.4	7D	LÊ THỊ THU TRANG	7	0	0	2	28.57	3	42.86	2	28.57	0	0	0	0	5	71.43	2	28.57	0	0	0	0	0	0	0	0	
2.5	7E	LÊ HỒNG DƯƠNG	7	0	0	0	0	7	100	0	0	0	0	0	0	7	100	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
2.6	7F	DƯƠNG THỊ NGÀ	5	0	0	2	40	3	60	0	0	0	0	0	0	5	100	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
3	Khối 8		48	4	8.33	18	37.5	25	52.08	1	2.08	0	0	0	0	47	97.92	1	2.08	0	0	0	0	0	0	0	0	
3.1	8A	NGUYỄN THỊ THANH	9	0	0	3	33.33	6	66.67	0	0	0	0	0	0	9	100	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
3.2	8B	LÊ HÙNG CƯỜNG	9	1	11.11	4	44.44	3	33.33	1	11.11	0	0	0	0	8	88.89	1	11.11	0	0	0	0	0	0	0	0	
3.3	8C	LÊ THỊ THU TRANG	3	0	0	3	100	0	0	0	0	0	0	0	0	3	100	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
3.4	8D	VŨ THỊ THANH XUÂN	3	1	33.33	1	33.33	1	33.33	0	0	0	0	0	0	3	100	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
3.5	8E	KHUƠNG THỊ THÚY	9	1	11.11	0	0	8	88.89	0	0	0	0	0	0	9	100	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
3.6	8F	TRẦN THU HỒNG	9	1	11.11	4	44.44	4	44.44	0	0	0	0	0	0	9	100	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
3.7	8G	HUỲNH THỊ THÚY	6	0	0	3	50	3	50	0	0	0	0	0	0	6	100	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
4	Khối 9		52	7	13.46	14	26.92	27	51.92	4	7.69	0	0	0	0	48	92.31	4	7.69	0	0	0	0	0	0	0	0	
4.1	9A	TRẦN XUÂN HẠNH	11	0	0	1	9.09	8	72.73	2	18.18	0	0	0	0	9	81.82	2	18.18	0	0	0	0	0	0	0	0	
4.2	9B	TRẦN THỊ TỔ ĐOÀN	9	0	0	2	22.22	5	55.56	2	22.22	0	0	0	0	7	77.78	2	22.22	0	0	0	0	0	0	0	0	
4.3	9C	LÊ THỊ THU THỦY	8	2	25	2	25	4	50	0	0	0	0	0	0	8	100	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
4.4	9D	PHẠM THỦY NGOAN	10	2	20	4	40	4	40	0	0	0	0	0	0	10	100	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
4.5	9E	ĐẶNG THỊ BÌNH	6	1	16.67	3	50	2	33.33	0	0	0	0	0	0	6	100	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
4.6	9F	BACH THỊ PHƯƠNG	8	2	25	2	25	4	50	0	0	0	0	0	0	8	100	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	

Tính Đắk Lắk, ngày 15 tháng 1 năm 2026

HIỆU TRƯỞNG

Bùi Lan Oanh